TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày 11-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Nhân Nghĩa.

2. Ông Phạm Văn Nam.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Kim Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Đoàn Khắc H, sinh năm: 1996, nơi sinh: tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: Ấp MT, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: Ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T, sinh năm: 1975 và bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1976; vợ: Nguyễn Thị Tuyết Ngân; có 01 người con sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:*

Ông Nguyễn Văn T – Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Vũ Hồng Huệ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Thành V, sinh năm: 1983.

Nơi đăng ký thường trú: Số 59/8, đường NH, phường 11, Quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Chị Lưu Thị N, sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lê Thị H, sinh năm: 1945.

Nơi cư trú: Ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Ông Đoàn Văn T, sinh năm: 1975.

Nơi cư trú: Ấp MT, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

3. Ông Trần Thanh T, sinh năm: 1988.

Nơi cư trú: Ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

4. Ông Đoàn Thành T, sinh năm: 1965.

Nơi cư trú: Ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

5. Ông Uông Thành T, sinh năm: 1976.

Nơi cư trú: Ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

6. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1955.

Nơi cư trú: Ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 10/9/2023, tổ hòa giải ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre tổ chức hòa giải tranh chấp về ranh đất giữa hộ bà Lê Thị H và hộ ông Đoàn Văn T. Tham gia hòa giải có bà Hoa, ông T, con ông T là Đoàn Khắc H cùng 04 thành viên của tổ hòa giải gồm ông Trần Thanh T, ông Đoàn Thành T, ông Uông Thành T và ông Nguyễn Văn D. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, những người tham gia hòa giải đến phần đất tranh chấp thuộc ấp MĐ, xã HM để xác định ranh thì con bà Hoa là anh Phạm Văn H đi theo đến ranh đất. Bà H và ông T không xác định được vị trí ranh nên thống nhất yêu cầu cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc lại thì ông T lớn tiếng chửi bà H nên anh H cũng lớn tiếng chửi lại ông T, được mọi người can ngăn nên bà H, anh H ra về. Lúc này, H không nói gì, đi đến xe cuốc của anh Nguyễn Thành V đang đậu trên phần đất của ông T, giáp ranh đất bà Hoa để lấy con dao. Thấy vậy, anh Vân cầm con dao ném xuống mương nước. Huy lội xuống mương nhặt được con dao rồi cầm dao đuổi theo anh H đến bờ dừa thuộc phần đất của ông Phạm Văn Thoại thuộc ấp MĐ, xã HM. Huy vun dao chém nhiều cái về phía anh H, anh H đưa tay trái lên đỡ thì bị Huy chém trúng cẳng tay và đứt lìa 03 ngón tay của bàn tay trái. Thấy anh H bị thương, H không chém nữa đồng thời được ông T can ngăn nên H đi về nhà. Anh H được gia đình đưa đến Bệnh viện Đa khoa khu vực Cù Lao Minh, sau đó chuyển đến Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh điều trị đến ngày 04/10/2023 xuất viện.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ trong vụ án gồm:

01 (một) con dao bằng kim loại, dài 39,5cm, cán dao bằng kim loại dạng ống tròn dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại có một bề bén, lưỡi dao dài 25,5cm nơi rộng nhất lưỡi dao 6,5cm, lưỡi dao bị gỉ sét.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số: 1291/CN ngày 23/10/2023 của Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận thương tích của anh Phạm Văn H như sau: Vết thương đứt lìa khớp bàn ngón III, IV, đốt gần ngón IV, dập đứt hoàn toàn động mạch thần kinh, bờ quay trụ ngón III, IV, V + đứt động mạch thần kinh bờ trụ, gân gấp nông sâu ngón II tay trái + Vết thương 1/3 trên cẳng tay trái do bị chém.

Tại Kết luận giám định số: 378-23/KLTTCT-TTPYBT ngày 02/11/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Phạm Văn H tại thời điểm giám định là 26% (Hai mươi sáu phần trăm).

- Phân tích tỷ lệ từng vết thương như sau:

+ Sẹo 1/3 trên cẳng tay trái, kích thước nhỏ: 01% (một phần trăm) căn cứ chương 8 mục I.1.

+ Sẹo vạt da mặt trong 1/3 trên cẳng tay trái: 01% (một phần trăm) căn cứ chương 8 mục IV.1.

+ Mất các ngón III+IV+V tay trái: 25% (hai mươi lăm phần trăm) căn cứ chương 7 mục IV.3.3.

- Thương tích của anh Phạm Văn H do vật sắc gây ra.

- Cơ chế hình thành thương tích: Do tác động của ngoại lực.

- Dao gửi giám định có đặc điểm như nêu trên có thể gây ra được thương tích cho anh Phạm Văn H.

Tại Biên bản giám định y khoa số: 11/GĐYK-KNLĐ ngày 28/02/2024 của Hội đồng Giám định y khoa - Sở Y tế tỉnh Bến Tre kết luận: Anh Phạm Văn H suy giảm khả năng lao động là 38% (Ba mươi tám phần trăm).

Bị cáo và bị hại đồng ý với các kết luận giám định nêu trên và không có yêu cầu khác.

Tại Cáo trạng số: 26/CT-VKSMCN ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre để xét xử đối với bị cáo Đoàn Khắc H về "Tội cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đoàn Khắc H giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng, tại phiên tòa bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 200.000.000 đồng; bị hại anh Phạm Văn H giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, về hình phạt áp dụng: đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, về trách nhiệm dân sự: yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 755.452.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị N giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập do phải chăm sóc bị hại là 14.500.000 đồng và đề nghị nhập số tiền này vào chung số tiền bị hại yêu cầu; người làm chứng bà Lê Thị H, ông Đoàn Văn T, ông Trần Thanh T, ông Đoàn Thành T, ông Uông Thành T và ông Nguyễn Văn D giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành V giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đoàn Khắc H phạm "Tội cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Khắc H từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự:

Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 755.452.000 đồng, gồm các khoản: Chi phí điều trị 34.802.000 đồng, chi phí đi lại điều trị 2.550.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 5.800.000 đồng, tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị 19.300.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 90.000.000 đồng, tiền trả mặt bằng thuê đất do bị thương tích không mua bán được 3.000.000 đồng, tiền mất thu nhập do suy giảm khả năng lao động 600.000.000 đồng. Chị Nhi (vợ bị hại) yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập do phải chăm sóc bị hại 14.500.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường tổng số tiền 200.000.000 đồng, gồm các khoản: Chi phí điều trị 34.802.000 đồng, chi phí đi lại điều trị 2.550.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 5.800.000 đồng, tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị 19.300.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 50.000.000 đồng, tiền trả mặt bằng thuê đất do bị thương tích không mua bán được 3.000.000 đồng, tiền mất thu nhập do suy giảm khả năng lao động là 72.948.000 đồng, tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh theo yêu cầu của chị Nhi là 11.600.000 đồng; các khoản còn lại bị cáo không đồng ý bồi thường theo

yêu cầu của bị hại. Đối với các khoản chi phí bị cáo và bị hại thống nhất thỏa thuận nên ghi nhận.

Đối với khoản tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh, chị Nhi yêu cầu bồi thường số tiền 14.500.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 11.600.000 đồng là phù hợp nên ghi nhận.

Đối với khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, bị hại yêu cầu bồi thường 90.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 50.000.000 đồng. Bị hại bị thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 26% nhưng đưa yêu cầu mức bồi thường quá cao (mức tối đa của khoản bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần), bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 50.000.000 đồng phù hợp theo quy định nên ghi nhận.

Đối với khoản tiền mất thu nhập do suy giảm khả năng lao động, bị hại yêu cầu bồi thường 600.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 72.948.000 đồng nên ghi nhận.

Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre số tiền 30.000.000 đồng. Do đó, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng (bao gồm số tiền 11.600.000 đồng bị cáo đồng ý bồi thường cho chị Nhi).

Anh Nguyễn Thành V không yêu cầu bị cáo hoàn trả giá trị con dao bị cáo sử dụng gây thương tích đối với bị hại nên ghi nhận.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao bằng kim loại, dài 39,5cm, cán dao bằng kim loại dạng ống tròn dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại có một bề bén, lưỡi dao dài 25,5cm nơi rộng nhất lưỡi dao 6,5cm, lưỡi dao bị gỉ sét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn Th trình bày:

- Về trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo Đoàn Khắc H đã rõ, đủ yếu tố cấu thành "Tội cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nên không có ý kiến tranh luận.

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng phù hợp nên không ý kiến tranh luận.

- Về trách nhiệm dân sự: Các khoản chi phí bị cáo và bị hại thống nhất thỏa thuận nên đề nghị ghi nhận. Đối với khoản tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh mà

chị Nhi yêu cầu, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần và tiền mất thu nhập do suy giảm khả năng lao động mà bị hại yêu cầu là có cơ sở và phù hợp nên đề nghị xem xét chấp nhận toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Xét thấy, anh Vân đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của anh Vân không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Bị cáo Đoàn Khắc H thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ để xác định:

Giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại xảy ra mâu thuẫn liên quan đến tranh chấp đất đai kéo dài nhiều năm. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 10/9/2023, tại ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre, tổ hòa giải ấp MĐ tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên. Tại buổi làm việc hai gia đình xảy ra mâu thuẫn trong lời nói, Đoàn Khắc H lấy dao là hung khí nguy hiểm đuổi theo chém anh Phạm Văn H gây thương tích ở cẳng tay và đứt lìa 03 ngón III, IV, V bàn tay trái với tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 26%.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Gia đình bị cáo và gia đình bị hại có quan hệ họ hàng thân tộc, giữa hai gia đình nhiều lần xảy ra tranh chấp liên quan đến đất đai và được chính quyền địa phương tiến hành hòa giải nhằm tháo gỡ mâu thuẫn. Bị cáo là người có học thức đáng lẽ bị cáo phải chọn cách giải quyết phù hợp, văn minh nhưng với bản tính hung hăn, côn đồ muốn sử dụng bạo lực để thỏa mãn sự bực tức của bản thân nên bị cáo đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm xâm hại đến sức khỏe của bị hại; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đoàn Khắc H phạm "Tội cố ý gây thương tích", tội phạm và hình phạt

được quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số: 26/CT-VKSMCN ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền được tôn trọng, bảo vệ về sức khoẻ của người khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương, gây tâm lý lo lắng và bất an cho người dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xem xét xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và tạo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[5] Trong lượng hình Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cụ thể:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51. Bên cạnh đó, bị cáo có ông nội là liệt sĩ; bản thân là lao động chính trong gia đình và đang nuôi con nhỏ - đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.3] Về nhân thân:

Mặc dù, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, bị cáo có ý thức xem thường pháp luật và xem thường sức khỏe của người khác. Đồng thời, căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Hội đồng xét xử quyết định cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 755.452.000 đồng, gồm các khoản: Chi phí điều trị 34.802.000 đồng, chi phí đi lại điều trị 2.550.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 5.800.000 đồng, tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị 19.300.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 90.000.000 đồng, tiền trả mặt bằng thuê đất do bị thương tích không mua bán được 3.000.000 đồng, tiền mất thu nhập do suy giảm khả năng lao động 600.000.000 đồng. Chị Nhi yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập do phải chăm sóc bị hại 14.500.000 đồng và đề nghị nhập số tiền này vào chung số tiền bị hại yêu cầu. Bị cáo đồng ý bồi thường tổng số tiền 200.000.000 đồng, gồm các khoản: Chi phí điều trị 34.802.000 đồng, chi phí đi lại điều trị 2.550.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 5.800.000 đồng, tiền mất

thu nhập trong thời gian điều trị 19.300.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 50.000.000 đồng, tiền trả mặt bằng thuê đất do bị thương tích không mua bán được 3.000.000 đồng, tiền mất thu nhập do suy giảm khả năng lao động là 72.948.000 đồng, tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh theo yêu cầu của chị Nhi là 11.600.000 đồng; các khoản còn lại bị cáo không đồng ý bồi thường. Đối với các khoản chi phí bị cáo và bị hại thống nhất thỏa thuận nên ghi nhận.

Đối với khoản tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh, chị Nhi yêu cầu bồi thường số tiền 14.500.000 đồng (250.000 đồng/ngày x 58 ngày), bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 11.600.000 đồng (200.000 đồng/ngày x 58 ngày). Chị Nhi yêu cầu nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức thu nhập của lao động phổ thông tại địa phương là 200.000 đồng/ngày x 58 ngày = 11.600.000 đồng, mức bị cáo đồng ý bồi thường là phù hợp nên ghi nhận.

Đối với khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, bị hại yêu cầu bồi thường 90.000.000 đồng (1.800.000 đồng x 50 lần), bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 50.000.000 đồng. Bị hại bị thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 26% nhưng đưa ra yêu cầu mức tối đa của khoản bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần là quá cao nên không có cơ sở chấp nhận. Bị cáo đồng ý bồi thường khoản tiền hơn 27 lần mức lương cơ sở, mức bồi thường mà bị cáo đưa ra phù hợp nên được chấp nhận.

Đối với khoản tiền mất thu nhập do suy giảm khả năng lao động, bị hại yêu cầu bồi thường 600.000.000 đồng (30.000.000 đồng/năm x 20 năm). Theo Điều 590 của Bộ luật Dân sự; các điều 2, 7 Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng quy định chi phí, thu nhập bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại phải là chi phí, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút. Tuy nhiên, khoản tiền mà bị hại yêu cầu là tiền mất thu nhập do giảm sút lao động trong tương lai nên không có cơ sở chấp nhận. Bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 72.948.000 đồng nên ghi nhận.

Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre số tiền 30.000.000 đồng theo biên lai thu số: 0000544 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Do đó, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng (số tiền này đã bao gồm 11.600.000 đồng tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh mà bị cáo bồi thường cho chị Nhi do chị Nhi có yêu cầu được nhập chung vào số tiền bồi thường cho bị hại).

Anh Vân là chủ sở hữu con dao bị cáo sử dụng gây thương tích cho bị hại không yêu cầu bị cáo hoàn trả giá trị con dao. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của

các đương sự và phù hợp với Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự nên ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) con dao bằng kim loại, dài 39,5cm, cán dao bằng kim loại dạng ống tròn dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại có một bề bén, lưỡi dao dài 25,5cm nơi rộng nhất lưỡi dao 6,5cm, lưỡi dao bị gỉ sét là hung khí bị cáo sử dụng gây thương tích cho bị hại, hiện không còn giá trị sử dụng và chủ sở hữu không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Xét ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tại phiên tòa về trách nhiệm dân sự là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Đối với các nội dung còn lại phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Đoàn Khắc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Khắc H phạm "Tội cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Khắc H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Đoàn Khắc H có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại anh Phạm Văn H số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Trong đó, bị cáo đã nộp 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre theo biên lai thu số: 0000544 ngày 04 tháng 4 năm 2024 để bồi thường cho bị hại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao bằng kim loại, dài 39,5cm, cán dao bằng kim loại dạng ống tròn dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại có một bề bén, lưỡi dao dài 25,5cm nơi rộng nhất lưỡi dao 6,5cm, lưỡi dao bị gỉ sét.

Vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre tạm giữ theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đoàn Khắc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 6.729.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã HM;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân